

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2021

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Lê Quang Xet.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bô Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

Bị đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã Thạnh Hội, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Trước đây ông và bà Mai Thị N có quan hệ tình cảm nam nữ, sau đó có 01 con chung tên Nguyễn Văn H sinh năm 1985. Tuy nhiên chỉ là quan hệ nhất thời mà không tổ chức lễ cưới, không sống chung như vợ chồng. Ông vẫn sinh sống ở nhà ông, bà N và con sinh sống ở nhà bà N. Cho đến khoảng năm 2001 ông H có kêu anh H về sống chung với ông H, lúc này bà N có theo anh H2 về ở nhà ông H trong thời gian khoảng một năm, sau đó anh H2 và bà Mai Thị N trở lại nhà cũ bà N sinh sống cho đến nay. Năm 2020 ông H xin xác nhận tình

trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh B nhưng Ủy ban nhân dân xã T lại xác nhận cho ông là hiện có vợ là bà Mai Thị N tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 44/UBND-XNTTHN ngày 11/8/2020. Ông H cho rằng việc xác nhận này là không đúng nên ông đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Thanh Hội và Ủy ban nhân dân xã Thanh Hội đã thu lại bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nêu trên. Do đó ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Mai Thị N.

Do con chung tên Nguyễn Văn H2 đã thành niên và hai bên không phát sinh tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Mai Thị N trình bày:

Năm 1979 khi chồng bà N mất để lại 02 người con gái, bà N làm lụng vất vả để nuôi và chung sống cùng các con. Khoảng năm 1979 bà N và ông H gặp nhau và hai bên phát sinh tình cảm nam nữ, thi thoảng ông H và bà N qua lại với nhau. Đến năm 1984 thì bà N mang thai, năm 1985 thì sinh con chung với ông H, ông H đặt tên con là Nguyễn Văn H2. Sau khi có con chung thì ông H và bà N vẫn ai ở nhà người đó, không sống chung với nhau. Bà N xác định hai bên không tổ chức lễ cưới, không chung sống với nhau như vợ chồng, ông H chỉ thi thoảng tới nhà gặp bà N một lát rồi về. Năm 2001 do Nguyễn Văn H2 đã lớn nên ông H kêu lên ở với ông H, vì thương con nên bà N đi theo, nhưng chỉ ở một thời gian vì thấy khổ quá nên bà N và anh H2 bỏ về nhà bà N sinh sống cho tới nay. Từ đó đến nay bà N và ông H không còn qua lại. Hai bên cũng không đăng ký kết hôn với nhau. Giữa bà N và ông H không có quan hệ vợ chồng, hai bên chỉ có 01 con chung tên Nguyễn Văn H2 đã thành niên, không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Thống nhất với yêu cầu của ông H, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà và ông H. Bà N chỉ có nguyện vọng là ông H hãy quan tâm đến con trai là Nguyễn Văn H2 để sau này cha con có tình cảm, lo lắng chăm sóc nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

Về nội dung: Ông H và bà N chỉ phát sinh tình cảm nam nữ và có 01 người con chung tên Nguyễn Văn H2 đã trưởng thành. Hai bên không tổ chức lễ cưới theo phong tục, không được hai bên gia đình đồng ý, thực tế bà N về chung sống với ông H từ năm 2001 sau đó bà N bỏ về nhà cho đến nay. Do đó, có căn cứ xác định giữa ông H và bà N không có quan hệ vợ chồng. Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự xác định không chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định và nguyên đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng. Bị đơn hiện cư trú tại thị xã T, tỉnh B. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù có con chung sinh năm 1985 trước thời điểm 03/01/1987 (Ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật) tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn cùng thừa nhận trước thời điểm 03/01/1987 không sống chung như vợ chồng, tình cảm nam nữ giữa các đương sự lúc đó chỉ là nhất thời, các bên không tổ chức lễ cưới, thậm chí ai ở nhà người đó. Các đương sự thừa nhận có thời gian chung sống với nhau vào 2001 nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp thì không thuộc trường hợp hôn nhân thực tế và không được công nhận là vợ chồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về giải quyết hậu quả phát sinh: Các đương sự xác định con chung đã thành niên, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông H là người cao tuổi, có đơn xin được miễn án phí là thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về việc hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn bà Mai Thị N về việc tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị N.

- Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Văn H2 (Sinh năm 1985) đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được miễn 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hưởng